

Thứ ba, ngày 17 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Thị trường bất ngờ vượt ngưỡng 960 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/11/2020		•	
Tuần 16/11-20/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi thông tin hai loại vắc xin COVID-19 đều có hiệu quả, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như các thị trường chứng khoán khác trên thế giới đều có nhịp hồi phục tích cực. Dòng tiền chảy mạnh vào thị trường với toàn bộ 19/19 ngành đều tăng điểm. Thanh khoản suy giảm nhưng biên độ dao động nở rộng và độ rộng thị trường tích cực đang phản ánh tâm lý hưng phấn của các nhà đầu tư trong phiên giao dịch hôm nay. Khối ngoại bán ròng trên cả hai sàn giao dịch HSX và HNX. Thị trường chứng khoán trở nên hấp dẫn hơn với các nhà đầu tư kỳ vọng vào nhịp hồi phục kinh tế nhờ kết quả khả quan từ vắc xin COVID-19.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 945 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí_3.2%**

Phân tích kỹ thuật: BSR_Bứt phá khỏi nền (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+18.11** điểm, đóng cửa **968.90** điểm. HNX-Index **+3.22** điểm, đóng cửa **146.58** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.75); VCB(+1.85); GAS(+1.59); VHM(+1.57); GVR(+1.27)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VSH(-0.05); KDC(-0.04); LGC(-0.04); BCM(-0.03); APH(-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,296** tỷ đồng, **-18.6%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 15.68 điểm, nở rộng so với phiên trước. Thị trường có **320** mã tăng, 74 mã tham chiếu và **104** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-117.38** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HDB (-144.2 tỷ), PVD (-39 tỷ) và VPB (-27.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-6.65** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng
tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **968.90**
Giá trị: 7296.18 tỷ **18.11 (1.9%)**
Khối ngoại (ròng): -117.38 tỷ

HNX-INDEX **146.58**
Giá trị: 480.7 tỷ **3.22 (2.25%)**
Khối ngoại (ròng): -6.65 tỷ

UPCOM-INDEX **66.15**
Giá trị: 1.26 tỷ **1.3 (2%)**
Khối ngoại(ròng): 11.72 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	41.4	0.15%
Giá vàng	1,889	0.00%
Tỷ giá USD/VND	23,180	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	27,490	0.15%
Tỷ giá JPY/VND	22,209	0.25%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	10.35%
LS TPCP 5 năm	1.3%	0.38%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MBB	58.5	HDB	-144.2
VHM	48.7	PVD	-39.0
VCB	22.6	VPB	-27.5
GAS	19.2	SAB	-25.5
PNJ	16.8	CTG	-22.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_3.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	19/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	3.2%	1.6%	9.7%	3.3%	16.1%	-11.2%	37.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	3.2%	2.0%	13.9%	12.2%	35.1%	36.2%	28.5%
Corona Avengers	3.2%	1.8%	12.6%	10.3%	28.8%	24.2%	33.3%
Vật liệu Xây dựng	3.2%	3.7%	8.1%	11.3%	33.5%	30.4%	27.8%
Chiến tranh thương mại	3.1%	2.5%	11.5%	12.9%	38.8%	20.1%	30.0%
EVFTA	2.9%	1.8%	11.7%	9.4%	10.5%	10.5%	20.4%
Xây dựng	2.6%	1.4%	12.6%	10.2%	35.1%	24.9%	29.8%
Đầu tư công	2.5%	2.0%	12.8%	11.0%	38.7%	30.8%	25.0%
Lãi suất giảm	2.5%	0.9%	13.4%	11.2%	37.1%	32.9%	31.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.4%	1.4%	6.9%	11.2%	28.5%	3.1%	31.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.2%	1.1%	6.1%	5.9%	20.5%	7.2%	30.7%
FTSE Việt Nam	2.1%	0.4%	2.7%	7.1%	17.0%	4.4%	24.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	2.1%	1.3%	10.0%	13.4%	33.4%	25.2%	29.8%
Ngân Hàng	2.1%	1.3%	7.7%	11.9%	35.3%	23.5%	32.5%
VN FinSelect	2.1%	1.0%	6.0%	5.8%	19.8%	6.9%	29.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	2.1%	-0.2%	3.2%	9.4%	19.5%	3.4%	24.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.0%	1.0%	7.8%	11.0%	30.7%	10.5%	29.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.0%	0.7%	5.7%	12.0%	30.8%	16.2%	26.6%
Hàng tiêu dùng	1.9%	-0.6%	7.6%	14.6%	35.5%	24.4%	28.5%
VN Diamond	1.9%	1.0%	5.3%	7.1%	23.3%	1.4%	30.2%
Cổ phiếu ngành Dược	1.8%	0.2%	3.4%	4.2%	19.1%	9.1%	20.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.6%	0.1%	3.7%	6.4%	22.7%	7.6%	27.0%
Stay-at-home	1.5%	-0.3%	10.1%	8.1%	30.7%	36.8%	32.4%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.5%	0.2%	5.7%	4.3%	20.2%	6.4%	24.3%
Nước & Năng lượng	1.1%	0.1%	5.0%	1.4%	17.6%	5.8%	24.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.9%	-0.1%	5.6%	4.4%	24.2%	26.9%	20.9%

Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	2.7%	1.3%	7.7%	16.6%	33.7%	7.9%	30.1%
S32	2.7%	1.2%	9.8%	14.8%	33.9%	8.5%	32.9%
M31	2.4%	1.7%	7.9%	10.7%	31.4%	14.1%	29.7%
S21	2.0%	1.1%	8.1%	9.5%	32.6%	14.5%	27.1%
L22	1.8%	0.6%	5.9%	6.4%	27.2%	7.9%	27.1%
M22	1.7%	0.8%	5.8%	7.6%	22.4%	16.0%	25.2%
M12	1.7%	0.3%	5.7%	8.9%	21.9%	8.7%	25.0%
S11	1.6%	0.6%	7.3%	11.2%	30.6%	29.7%	25.1%
L11	1.4%	0.5%	3.8%	4.9%	21.1%	7.5%	23.8%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.3%	0.6%	6.2%	10.4%	27.7%	10.8%	27.9%
MID1	1.4%	0.1%	6.4%	8.6%	30.4%	25.8%	25.0%
LOW1	1.3%	0.0%	4.1%	5.0%	17.1%	5.1%	24.9%

INDEX							
VNINDEX	1.9%	0.3%	4.7%	7.0%	17.4%	0.8%	23.8%
VN30INDEX	2.0%	0.4%	4.7%	8.9%	21.3%	6.3%	25.1%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	19	7	18	8	22	4
Mục tiêu	9	4	5	9	0	8	1
Rủi ro	3	1	2	1	2	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

Vũ Quốc Khánhhttps://invest.bsc.com.vn/#/loginkhanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.51	0.41%	0.40%	0.90%	-22.27%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.03	0.48%	1.00%	1.80%	-25.79%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	115.40	0.63%	-3.40%	0.00%	-22.88%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1891.74	0.15%	0.80%	-0.40%	29.22%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.79	0.09%	2.30%	2.60%	45.58%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1165.00	1.00%	1.70%	10.90%	22.53%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	607.00	0.37%	-1.50%	-2.60%	11.27%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.64	-0.60%	-16.00%	-11.20%	-3.70%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	222.82	-2.25%	11.40%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.47	3.41%	4.00%	9.10%	13.00%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	118.75	5.84%	8.40%	5.90%	-1.62%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7108.00	1.80%	2.80%	5.30%	21.92%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	593.87	1.94%	2.10%	10.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	615.04	1.91%	2.60%	10.80%			
Nhôm	USD/ton	1951.00	0.98%	3.00%	5.30%	12.26%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	127.71	0.96%	1.80%	9.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	62.60	0.56%	1.10%	2.50%	-16.64%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 1.04 USD, tương đương 2.43%, lên 43.82 USD/thùng, sau khi có thời điểm tăng hơn 4 Dầu Tây Texas Mỹ (WTI) kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 1.21 USD (3%) lên 41.34 USD/thùng.
- Hãng dược Moderna của Mỹ ngày 16/11 tuyên bố vắc-xin ngừa Covid-19 của họ đang trải qua thử nghiệm của họ cho thấy hiệu quả lên tới 94.5%, dựa trên dữ liệu sơ bộ thu từ cuộc thử nghiệm lâm sàng quy mô lớn của hãng này.
- Ngoài ra, thông tin tích cực về kinh tế Trung Quốc và Nhật Bản cũng góp phần đẩy giá dầu tăng trong phiên này. Số liệu cho thấy lượng dầu nguyên liệu mà các nhà máy lọc dầu của Trung Quốc sử dụng hàng ngày tháng 10 vừa qua đạt mức cao kỷ lục. Trong khi đó, Nhật Bản thông báo GDP quý III/2020 tăng trưởng 21.4% so với cùng quý năm ngoái, vượt mức dự báo là tăng 18.9%.

Giá vàng

- Vàng giao ngay duy trì tại mức 1,887.1 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 tăng nhẹ 0.1% lên 1,887.80 USD/ounce.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka tăng 2.7 JPY (1.2%) lên 238.3 JPY/kg.Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 1.4% lên 14,655 CNY/tấn.
- Giá cao su trên thị trường Nhật Bản tăng hơn 1% trong phiên vừa qua sau số liệu GDP quý III của Nhật Bản đầy ấn tượng cũng thông tin sản xuất công nghiệp của Trung Quốc tháng 10 tăng mạnh hơn dự đoán

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn ICE tăng 6.55 US cent (5.8%) lên 1.1875 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn London tăng 30 USD (2.1%) lên 1,440 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 0.51 US cent (3.4%) lên 15.47 US cent/lb vào lúc đóng cửa phiên giao dịch, trong phiên có thời điểm đạt 15.58 US cent, cao nhất kể từ 24/2, do nguồn cung ngắn hạn sẽ khan hiếm. Vụ đường Thái Lan năm nay kém có thể khiến thị trường đường thế giới trở nên khan hiếm, trong khi xuất khẩu đường từ Ấn Độ bị ảnh hưởng bởi sự thiếu chắc chắn về chính sách hỗ trợ xuất khẩu của Chính phủ nước này do vấn đề tài chính liên quan đến dịch Covid-19. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 14 USD (3.4%) lên 420.8 USD/tấn.

	17/11	% 17/11	16/11	% 16/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	968.90	1.90%	950.79	-1.60%	1.79%	2.71%
S&P 500			3626.91	1.16%	2.15%	4.12%
HĐTL S&P500	3613.25	-0.27%	3623.00	1.14%	2.04%	4.36%
Shang- hai	3339.90	-0.21%	3346.97	1.11%	-0.60%	0.11%
Euro Stoxx	3464.07	-0.06%	3466.21	0.99%	0.62%	6.74%

Phân tích kỹ thuật

BSR_Bứt phá khỏi nền

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: BSR đang ở trong trạng thái tích lũy quanh vùng giá 7, và đã bất ngờ có một phiên tăng giá mạnh trong ngày hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên hôm nay tăng khá tốt, và đã vượt lên trên khối lượng giao dịch trung bình của 20 phiên gần nhất. Các chỉ báo kỹ thuật đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo EMA đã xuất hiện Golden Cross, đồng thời đường MACD vẫn đang nằm trên đường tín hiệu. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI đã vượt lên trên giá trị 60, nhưng chưa đạt tới vùng quá mua nên cổ phiếu được kỳ vọng có thể duy trì đà tăng trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của BSR nằm tại khu vực 7.0-7.2. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 8.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 6.6 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

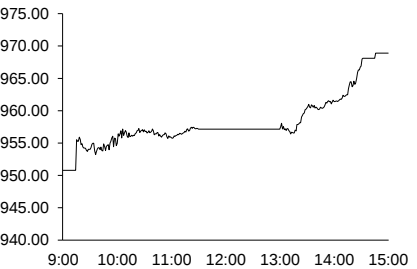
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	0.26%
Y tế	0.31%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.36%
Thực phẩm và đồ uống	0.58%
Xây dựng và Vật liệu	0.98%
Công nghệ Thông tin	1.09%
Du lịch và Giải trí	1.25%
Dầu khí	1.37%
Bảo hiểm	1.38%
Ô tô và phụ tùng	1.77%
Bán lẻ	1.87%
Ngân hàng	1.93%
Dịch vụ tài chính	2.01%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.33%
Bất động sản	2.45%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.74%
Tài nguyên Cơ bản	3.19%
Hóa chất	4.61%
Viễn thông	7.29%

Hình 1

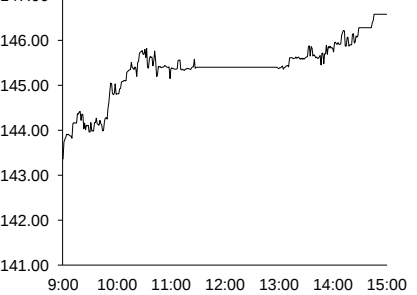
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/16/2020	TCB	22.9	25	21.5	23.35	1	1.97%	Có thể tiếp tục mua
11/13/2020	VCB	86.9	96	84.5	87.6	4	0.81%	Có thể tiếp tục mua
11/12/2020	HBC	11.15	14	10	11.3	5	1.35%	Có thể tiếp tục mua
11/10/2020	PVS	14.3	16	13.5	15.6	7	9.09%	Cần nhắc không mua thêm (**)
11/9/2020	TNG	13.3	17	12	14	8	5.26%	Có thể tiếp tục mua
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	14	11	11.11%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	25.85	12	10.23%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	17.9	14	15.48%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	25.3	15	3.27%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	112	18	6.97%	Có thể tiếp tục mua
10/29/2020	IMP	49	58	46	51.6	19	5.31%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	38.9	20	-1.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.4	21	0.41%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	26	26	5.69%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	54	32	1.50%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	15.85	47	3.59%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.6	49	-1.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.7	53	3.08%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	12.3	56	7.42%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.4	57	3.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	54.4	61	2.06%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.1	64	2.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25.6	67	6.22%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.55	82	-3.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	36.9	146	20.23%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.3	154	4.54%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

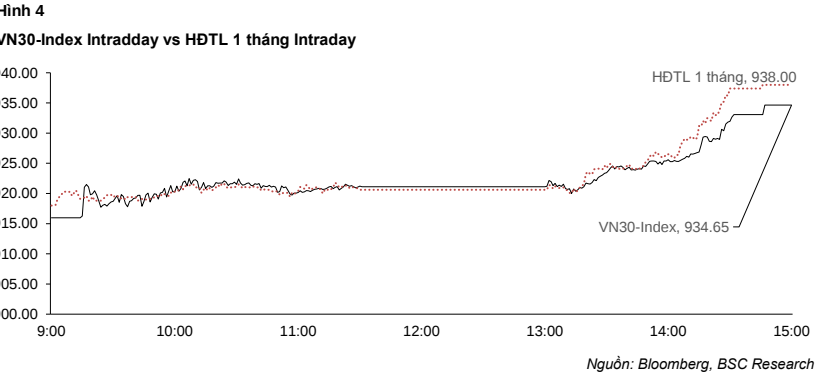
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/21/2020	DHC	46	52	44	TP	23	13.04%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	TP	26	13.27%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	TP	16	11.11%
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	SL	10	-3.29%

Chú thích:
 Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	23	3	5.73%	-2.09%	4.83%	40
Cổ phiếu đã chốt	53	35	12.11%	-7.57%	4.28%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	938.00	2.30%	3.35	-32.3%	124,391	11/19/2020	4
VN30F2012	939.30	2.10%	4.65	11.6%	5,154	12/17/2020	32
VN30F2103	937.00	2.07%	2.35	-4.4%	109	3/18/2021	123
VN30F2106	938.80	2.27%	4.15	-33.3%	40	6/17/2021	214

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +18.68 điểm, lên 934.65 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, HPG, VPB, TCB, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tích lũy quanh 920 điểm, trước khi tăng mạnh trong phiên chiều lên quanh 935 điểm. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 930-940 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2103 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 945 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2017	2/18/2021	93	4:1	846,340	37.41%	1,000	1,580	17.04%	1,370	1.15	32,888	28,888	33,350
CHPG2018	5/14/2021	178	4:1	418,890	37.41%	1,200	1,750	13.64%	1,415	1.24	34,799	29,999	33,350
CHPG2010	4/5/2021	139	4:1	329,350	37.41%	1,800	2,530	13.45%	867	2.92	40,300	33,100	33,350
CHPG2022	5/4/2021	168	2:1	361,030	37.41%	2,100	4,180	13.28%	3,831	1.09	31,200	27,000	33,350
CHPG2021	4/1/2021	135	2:1	136,930	37.41%	2,400	4,750	11.76%	4,527	1.05	29,800	25,000	33,350
CHPG2016	1/14/2021	58	2:1	277,460	37.41%	2,200	6,750	10.66%	3,121	2.16	31,900	27,500	33,350
CHPG2023	1/12/2021	56	1:1	278,710	37.41%	2,100	5,250	9.60%	5,352	0.98	30,600	28,500	33,350
CVJC2006	6/11/2021	206	20:1	741,590	30.24%	1,000	970	8.99%	630	1.54	131,111	111,111	113,000
CHPG2012	1/18/2021	62	1:1	390,960	37.41%	6,100	14,730	6.89%	7,184	2.05	32,600	26,500	33,350
CVHM2007	2/8/2021	83	5:1	646,910	38.42%	2,900	1,700	5.59%	1,571	1.08	89,500	75,000	78,300
CMWG2012	2/8/2021	83	5:1	134,300	42.07%	4,390	7,120	5.17%	6,636	1.07	100,539	78,893	112,000
CREE2005	1/14/2021	58	4:1	255,190	29.31%	1,300	3,060	4.79%	2,975	1.03	37,700	32,500	44,150
CTCH2002	2/18/2021	93	4:1	1,242,750	47.93%	1,100	730	4.29%	215	3.40	26,177	21,777	18,750
CTCB2009	3/30/2021	133	1:1	261,220	38.12%	4,400	3,460	2.37%	3,037	1.14	26,400	22,000	23,350
CSTB2004	11/30/2020	13	1:1	279,800	44.31%	1,400	2,880	1.41%	2,869	1.00	12,400	11,000	13,850
CVIC2004	4/27/2021	161	20:1	743,510	36.69%	1,000	960	1.05%	722	1.33	119,999	99,999	106,000
CVNM2008	1/14/2021	58	8:1	380,770	31.58%	1,800	2,080	0.97%	320	6.49	108,285	93,519	107,600
CVNM2013	4/1/2021	135	10:1	686,180	31.58%	1,900	1,480	0.00%	1,102	1.34	123,000	104,000	107,600
CVNM2011	6/11/2021	206	16.4:1	755,240	31.58%	1,100	960	-2.04%	171	5.63	127,438	109,387	107,600
CVIC2006	4/1/2021	135	10:1	429,510	36.69%	1,700	2,520	-2.70%	2,240	1.12	104,000	87,000	106,000
Tổng				9,596,640	36.89%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CHPG2024 và CVHM2002 tăng mạnh lần lượt là 29.87% và 24.37%. Trái lại, CMSN2008 và CMSN2006 giảm mạnh lần lượt là -12.97% và -12.65%. Giá trị giao dịch giảm -47.69%. CHPG2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.42% thị trường.
- CVPB2006, CVPB2009, CPNJ2007, CVPB2013, và CHPG2023 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CMSN2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CMSN2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	112.0	2.1%	1.2	2,204	4.6	8,517	13.2	3.3	49.0%	29.0%	
PNJ	Bán lẻ	74.0	2.6%	1.2	724	2.8	4,592	16.1	3.4	48.9%	22.8%	
BVH	Bảo hiểm	54.7	1.3%	1.5	1,765	1.4	1,731	31.6	2.0	28.6%	7.1%	
PVI	Bảo hiểm	30.0	4.5%	0.3	292	0.2	2,729	11.0	1.0	54.4%	9.1%	
VIC	Bất động sản	106.0	3.9%	0.8	15,589	3.9	2,660	39.8	4.2	13.8%	11.0%	
VRE	Bất động sản	27.2	1.3%	1.1	2,687	3.7	1,001	27.2	2.2	30.1%	8.1%	
VHM	Bất động sản	78.3	2.2%	1.2	11,199	7.6	6,895	11.4	3.4	21.9%	35.4%	
DXG	Bất động sản	14.0	5.3%	1.4	315	3.8	(151)	N/A	N/A	35.9%	-1.3%	
SSI	Chứng khoán	18.3	3.1%	1.3	477	6.7	1,834	10.0	1.2	48.8%	11.5%	
VCI	Chứng khoán	42.9	1.4%	1.0	309	1.6	3,770	11.4	1.8	26.3%	15.9%	
HCM	Chứng khoán	23.0	2.2%	1.6	305	2.8	1,705	13.5	1.6	48.5%	11.8%	
FPT	Công nghệ	54.0	1.3%	0.8	1,840	5.9	4,236	12.7	2.8	49.0%	23.1%	
FOX	Công nghệ	52.0	1.4%	0.4	619	0.0	4,812	10.8	2.7	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	75.5	4.1%	1.4	6,283	7.1	4,752	15.9	3.1	3.0%	19.7%	
PLX	Dầu khí	48.4	0.5%	1.5	2,565	1.0	682	71.0	2.9	15.9%	4.3%	
PVS	Dầu khí	15.6	5.4%	1.5	324	7.1	1,621	9.6	0.6	10.4%	6.3%	
BSR	Dầu khí	7.3	4.3%	0.8	984	2.7	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	102.5	-0.1%	0.5	583	0.0	5,405	19.0	4.0	54.8%	21.7%	
DPM	Hóa chất	17.6	0.6%	0.4	299	2.2	2,011	8.8	0.9	12.4%	10.4%	
DCM	Hóa chất	12.5	0.8%	0.5	288	2.3	872	14.3	1.0	3.7%	7.4%	
VCB	Ngân hàng	87.6	2.1%	1.1	14,126	2.1	4,630	18.9	3.5	23.6%	19.7%	
BID	Ngân hàng	40.3	1.0%	1.3	7,047	2.5	2,126	19.0	2.1	17.3%	12.5%	
CTG	Ngân hàng	32.5	1.9%	1.2	5,261	12.3	2,948	11.0	1.5	29.2%	14.0%	
VPB	Ngân hàng	25.0	3.5%	1.2	2,650	8.3	4,111	6.1	1.2	23.1%	22.2%	
MBB	Ngân hàng	19.6	2.6%	1.1	2,357	8.4	2,995	6.5	1.2	22.7%	20.0%	
ACB	Ngân hàng	27.2	3.8%	0.9	2,556	19.6	3,109	8.7	1.8	30.0%	23.0%	
BMP	Nhựa	58.0	5.1%	0.8	206	1.4	6,186	9.4	2.0	80.7%	20.7%	
NTP	Nhựa	32.7	0.6%	0.4	167	0.0	3,820	8.6	1.4	19.0%	17.5%	
MSR	Tài nguyên	15.7	1.3%	0.4	675	0.1	356	44.1	1.2	1.7%	2.9%	
HPG	Thép	33.4	3.4%	1.2	4,804	23.2	3,241	10.3	2.0	33.3%	21.3%	
HSG	Thép	19.1	5.2%	1.6	369	9.6	2,591	7.4	1.3	10.9%	19.1%	
VNM	Tiêu dùng	107.6	0.5%	0.8	9,776	7.7	4,784	22.5	7.7	57.9%	35.3%	
SAB	Tiêu dùng	182.2	0.2%	0.8	5,080	1.5	6,312	28.9	5.9	63.1%	22.6%	
MSN	Tiêu dùng	85.0	1.3%	1.0	4,341	3.0	2,067	41.1	4.9	33.9%	8.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.9	0.3%	0.9	404	2.2	702	22.6	1.3	6.0%	5.5%	
ACV	Vận tải	70.3	2.5%	0.8	6,654	1.1	3,450	20.4	4.2	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	113.0	1.6%	1.1	2,574	3.1	(1,528)	N/A	N/A	17.9%	-5.6%	
HVN	Vận tải	27.1	1.1%	1.7	1,671	1.0	(7,345)	N/A	N/A	9.2%	-83.7%	
GMD	Vận tải	27.5	3.2%	0.9	354	2.5	1,179	23.3	1.4	49.0%	5.8%	
PVT	Vận tải	14.8	1.4%	1.2	180	2.1	1,966	7.5	0.9	17.0%	12.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.5	0.7%	1.0	509	0.6	8,260	9.1	3.2	2.9%	39.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.1	0.4%	0.7	450	0.1	1,411	16.4	1.6	7.6%	10.1%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	1.8%	0.9	278	0.7	1,762	9.5	1.1	5.9%	11.9%	
CTD	Xây dựng	62.8	0.0%	1.0	208	2.4	7,504	8.4	0.6	46.0%	6.9%	
CII	Xây dựng	16.9	0.9%	0.3	175	0.8	114	147.6	0.8	31.2%	0.5%	
REE	Điện	44.2	1.0%	-1.4	595	1.4	4,599	9.6	1.3	49.0%	13.7%	
PC1	Điện	24.9	1.6%	-0.4	172	0.2	2,689	9.3	1.0	13.9%	11.8%	
POW	Điện	10.0	1.5%	0.6	1,013	1.9	679	14.7	0.8	9.5%	5.8%	
NT2	Điện	23.5	0.6%	0.6	294	0.2	2,103	11.2	1.6	19.4%	14.6%	
KBC	Khu công nghiệp	14.4	1.8%	0.8	294	0.6	879	16.4	0.7	18.0%	4.4%	
BCM	Khu công nghiệp	38.5	0%	1.0	1,733	0.0	#N/A	N/A	N/A	2.6	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	106.00	3.92	3.75	862320
VCB	87.60	2.10	1.85	548250
GAS	75.50	4.14	1.59	2.19MLN
VHM	78.30	2.22	1.58	2.25MLN
GVR	17.90	6.87	1.27	6.67MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VSH	0.00	-0.05	167710	1.11MLN
KDC	0.00	-0.05	454790	607060
LGC	0.00	-0.04	230.00	373600
BCM	0.00	-0.03	18800.00	192700
APH	0.00	-0.03	384540	611640

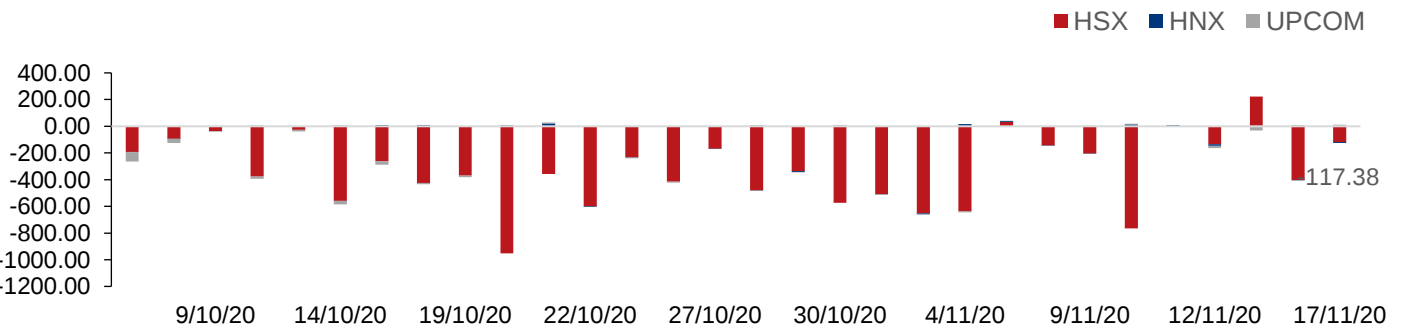
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVH	9.21	6.97	0.00	618250.00
ASM	10.75	6.97	0.05	8.34MLN
CVT	30.05	6.94	0.02	1.46MLN
RDP	8.33	6.93	0.01	70140
VDS	8.33	6.93	0.02	2450

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SFC	24.80	-8.15	-0.01	260
TLD	6.05	-6.92	-0.01	689340
NAV	22.30	-6.89	0.00	850.00
PTL	6.09	-6.88	-0.01	11860
LEC	14.00	-6.35	-0.01	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	70.3	3,450	20.4	4.2	Click
2	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	14.0	-151	#N/A N/A	1.1	Click
3	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	25.8	1,928	13.4	1.6	Click
4	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	11.9	#N/A N/A	#N/A N/A	0.8	Click
5	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	33.4	3,241	10.3	2.0	Click
6	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	74.0	4,592	16.1	3.4	Click
7	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.2	1,001	27.2	2.2	Click
8	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	15.9	702	22.6	1.3	Click
9	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	19.1	2,591	7.4	1.3	Click
10	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	54.0	4,236	12.7	2.8	Click
11	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.6	2,011	8.8	0.9	Click
12	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	46.8	5,479	8.5	2.3	Click
13	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	32.5	2,948	11.0	1.5	Click
14	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	182.2	6,312	28.9	5.9	Click
15	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	26.7	2,528	10.6	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	87.6	4,630	18.9	3.5	Click
17	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	12.3	0	21.0	0.4	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	14.4	879	16.4	0.7	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	107.6	4,784	22.5	7.7	Click
20	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	112.0	8,517	13.2	3.3	Click
21	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.7	885	9.8	0.7	Click
22	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	45.3	5,130	8.8	1.5	Click
23	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.4	2,066	11.8	1.8	Click
24	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.6	2,627	10.9	1.5	Click
25	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	25.0	4,111	6.1	1.2	Click
26	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.6	13,673	3.0	1.1	Click
27	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	85.0	2,067	41.1	4.9	Click
28	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	46.5	5,316	8.7	1.8	Click
29	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.4	1,816	14.5	2.1	Click
30	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.4	3,258	7.2	1.2	Click
31	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	108.5	4,105	26.4	9.3	Click
32	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.6	6,870	3.7	1.3	Click
33	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.0	4,752	5.7	1.2	Click
34	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	66.8	5,241	12.7	2.7	Click
35	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	27.2	3,109	8.7	1.8	Click
36	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	45.3	5,130	8.8	1.5	Click
37	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	62.5	3,674	17.0	2.7	Click
38	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	27.5	1,179	23.3	1.4	Click
39	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.4	2,066	11.8	1.8	Click
40	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	11.5	1,412	8.1	0.7	Click
41	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.5	1,918	10.7	1.5	Click
42	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.5	5,405	19.0	4.0	Click
43	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.8	1,966	7.5	0.9	Click
44	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.2	4,313	7.9	1.6	Click
45	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	280.0	14,782	18.9	7.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639